

Bản án số: **90/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày: 25-9-2020  
V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NINH HÒA, TỈNH KHÁNH HÒA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Phạm Thùy My

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Lê Thị Hoa

Bà Nguyễn Thị Hoa

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Phương - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa:* Bà Phan Thị Mỹ Ngân - Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 422/2020/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ ra xét xử số 68a/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 24 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 89/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn T – Sinh năm: 198

Địa chỉ: Thôn T, xã L, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Lê L – Sinh năm: 199

Địa chỉ: Thôn T, xã L, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

\* *Tại đơn khởi kiện ngày 15/6/2020, bản tự khai, biên bản về việc kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản hòa giải và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn T trình bày:* Ông T và bà Lê L tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L vào năm 201. Quá trình chung sống vợ chồng không hòa thuận, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi nhau vì tính tình vợ chồng không hợp, bà L không chăm lo cho gia đình dẫn đến tình cảm vợ chồng rạn nứt, hôn nhân không hạnh phúc. Vợ chồng đã ly thân từ cuối năm 201 cho đến nay. Nay ông T xác nhận không còn tình cảm với bà L nữa nên yêu cầu tòa giải quyết ly hôn với bà L.

Về con chung: Vợ chồng có tất cả hai con chung tên Nguyễn M, sinh ngày 05/9/201 và Nguyễn T1, sinh ngày: 09/09/201. Ông T yêu cầu được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu hai con chung đến tuổi trưởng thành. Ông T không yêu cầu bà L phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về sự vắng mặt của bà N, ông T đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*\* Đối với bị đơn bà Lê L:* Tòa án nhân dân thị xã Ninh Hòa đã tiến hành thực hiện các thủ tục triệu tập, xác minh và niêm yết hợp lệ để lấy lời khai theo đúng quy định của pháp luật nhưng bà L cố tình trốn tránh không đến Tòa án để giải quyết và cũng không có ý kiến bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T nên Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

*\* Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến trình bày:*

+ Về thủ tục tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký, nguyên đơn từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án đã thực hiện đúng theo quy định.

Đối với bị đơn bà Lê L đã được Tòa án triệu tập, xác minh và niêm yết hợp lệ nhưng bà L cố tình không có mặt tại Tòa để làm việc nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho mình. Do vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà L là đúng theo quy định của pháp luật.

Về thu thập tài liệu, chứng cứ liên quan đến việc giải quyết vụ án: Tòa án đã thực hiện đúng, đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

+ Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn T được ly hôn với bà Lê L.

- Về con chung: Giao hai con chung là cháu Nguyễn M, sinh ngày 05/9/201 và Nguyễn T1, sinh ngày: 09/09/201 cho ông Nguyễn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung nên không xét.

- Về tài sản chung: Ông Nguyễn T không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

- Về nợ chung: Ông Nguyễn T xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai nên đề nghị không xem xét.

- Về án phí: Ông Nguyễn T phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, bị đơn bà Lê L đã được Tòa án niêm yết hợp lệ đến lần thứ hai tại địa phương và nơi cư trú các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bà L vẫn cố tình vắng mặt không có lý do chính đáng. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Lê L.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Nguyễn T yêu cầu được ly hôn với bà Lê L và yêu cầu giải quyết nuôi con chung nên Hội đồng xét xử xác định đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy ông Nguyễn T và bà Lê L tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, thị xã Ninh Hòa, tỉnh Khánh Hòa theo giấy chứng nhận kết hôn số 43/201, quyển số 01/201 ngày 21/6/201. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn T và bà Lê L là hôn nhân hợp pháp.

Xét yêu cầu của đương sự, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, biên bản xác minh và được thẩm tra công khai tại phiên tòa nhận thấy:

Trong quá trình chung sống giữa ông T và bà L thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do vợ chồng không ai còn quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng hiện nay không còn, xuất phát từ những bất đồng quan điểm trong cuộc sống chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt dần, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ cuối năm 201 đến nay, vợ chồng không còn chung sống với nhau. Tại phiên tòa, bà L vẫn cố tình vắng mặt qua đó cho thấy bà L đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ chứng minh của mình, bà L cũng không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng để duy trì cuộc sống chung hạnh phúc nên yêu cầu xin ly hôn của ông T cần chấp nhận.

[3.2] Về con chung: Vợ chồng có tất cả hai người con chung là Nguyễn M, sinh ngày 05/9/201 và Nguyễn T, sinh ngày: 09/09/201; ông T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung đến tuổi trưởng thành; ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc giao con chung cho ai trực tiếp nuôi dưỡng căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con. Trong vụ án này, từ khi mâu thuẫn vợ chồng phát sinh, ông T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Trong quá trình giải quyết vụ án bà L không có ý kiến gửi đến Tòa để trình bày về việc ai là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng hai con chung. Do đó, quan điểm trình bày của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ninh Hòa là phù hợp với Hội đồng xét xử nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân và việc giao hai con chung Nguyễn M và Nguyễn T1 cho ông T trực tiếp

trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến tuổi trưởng thành; bà L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở theo quy định tại Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.3] Về tài sản chung: Ông Nguyễn T không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét. Tại phiên tòa, bà Lê L vắng mặt nên cần tách ra thành vụ kiện dân sự khác khi có đơn yêu cầu.

[3.4] Về nợ chung: Ông Nguyễn T xác nhận vợ chồng không nợ chung của ai nên không xem xét.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn T phải chịu án phí dân sự về giải quyết tranh chấp hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, khoản 1 Điều 232, Điều 264, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Nguyễn T.

**1. Về quan hệ hôn nhân:** Ông Nguyễn T được ly hôn với bà Lê L.

**2. Về con chung:** Giao hai con chung Nguyễn M, sinh ngày 05/9/201 và Nguyễn T1, sinh ngày: 09/09/201 cho ông Nguyễn T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đến trưởng thành (đủ 18 tuổi), ông T không yêu cầu bà L cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Lê L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con khi cần thiết cha, mẹ có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung hoặc khi có căn cứ theo điểm b khoản 2 và khoản 5 Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình thì cá nhân, cơ quan, tổ chức có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung.

**3. Về án phí:** Ông Nguyễn T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự về giải quyết tranh chấp hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2018/0009672 ngày 23 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã Ninh Hòa. Ông Nguyễn T đã nộp đủ án phí.

**Quyền kháng cáo:** Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

*Quy định chung:* Bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND thị xã Ninh Hòa;
- Chi cục THADS thị xã Ninh Hòa;
- UBND xã L khi án có hiệu lực (theo Giấy CNKH số 43/201, quyền số 01/201 ngày 21/6/201);
- Các đương sự;
- Lưu: HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Đã ký và đóng dấu)*

**Phạm Thùy My**